

CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ TM LONG THÀNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2016

Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Quý I năm 2016

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B01a-DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
 BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		100.214.445.819	80.160.109.244
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	2.943.141.641	3.522.059.353
1. Tiền	111		2.943.141.641	3.522.059.353
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.770.799.001	56.172.718.603
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	39.841.490.165	23.770.409.727
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.377.532.813	19.317.919.973
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HỖXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.4	20.000.000.000	6.300.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	VI.4	6.551.776.023	6.784.388.903
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	VI.5	26.144.926.688	20.360.493.983
1. Hàng tồn kho	141		26.144.926.688	20.360.493.983
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		355.578.489	104.837.305
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.7	-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		355.578.489	104.837.305
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		28.213.501.615	31.732.158.371
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

MSDW

Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Quý I năm 2016

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		11.885.673.736	15.533.060.094
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	11.885.673.736	15.533.060.094
- Nguyên giá	222		17.027.575.775	19.812.931.816
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.141.902.039)	(4.279.871.722)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.8	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.2	16.144.310.393	16.144.310.393
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.500.000.000	17.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.355.689.607)	(1.355.689.607)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		183.517.486	54.787.884
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.7	183.517.486	54.787.884
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		128.427.947.434	111.892.267.615

11/03/2016

Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Quý I năm 2016

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		53.032.302.579	36.973.444.203
I. Nợ ngắn hạn	310		44.720.624.014	29.005.433.638
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.9	29.520.819.340	12.029.999.054
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.276.400.472	3.838.909.636
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.10	-	1.394.045.215
4. Phải trả người lao động	314		171.433.846	126.782.962
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.11	1.970.356	33.055.356
10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320	VI.8	12.750.000.000	11.582.641.415
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.311.678.565	7.968.010.565
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338		8.311.678.565	7.968.010.565
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

11/01/2016

Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Quý I năm 2016

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Mẫu số B01a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		75.395.644.855	74.918.823.412
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.12	75.395.644.855	74.918.823.412
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		68.000.000.000	68.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		68.000.000.000	68.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		7.395.644.855	6.918.823.412
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.918.823.412	5.245.423.917
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		476.821.443	1.673.399.495
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		128.427.947.434	111.892.267.615

Hà Nam, ngày 20 tháng 06 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hồng Gấm

Phạm Thị Hồng Gấm

Lã Văn Quyến

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
 Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối quý	Số đầu năm
a) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	100%	68.000.000.000	68.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác			
b) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		68.000.000.000	68.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ		-	-
- Vốn góp tăng trong kỳ		-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ		68.000.000.000	68.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			
c) Cổ phiếu		Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		6.800.000	6.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		6.800.000	6.800.000
- Cổ phiếu phổ thông		6.800.000	6.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-
- Cổ phiếu phổ thông		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		6.800.000	6.800.000
- Cổ phiếu phổ thông		6.800.000	6.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu			
d) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.			

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

	Kỳ này	Kỳ trước
1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	35.779.276.304	16.862.116.216
- Doanh thu bán hàng		
Cộng	35.779.276.304	16.862.116.216

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
 Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Giá vốn của hàng đã bán	30.829.281.931	13.051.347.327
Cộng	30.829.281.931	13.051.347.327
4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	94.975.779	94.645.283
Cộng	94.975.779	94.645.283
5 . CHI PHÍ KHÁC		
Các khoản khác	2.743.806.225	133.612.899
Cộng	2.743.806.225	133.612.899
7 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	201.567.829	177.026.832
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	162.237.198	146.882.529
+ Chi phí nhân công	57.144.615	42.753.807
+ Chi phí khấu hao	105.092.583	104.128.722
- Các khoản chi phí QLDN khác	22.568.413	30.144.303
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ:	1.649.787.914	967.891.126
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	930.147.269	472.975.239
+ Chi phí nhân công	776.342.692	315.194.271
+ Chi phí khấu hao	153.804.577	157.780.968
- Các khoản chi phí bán hàng khác	719.640.645	494.915.887
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác		
- Các khoản ghi giảm khác		
	1.851.355.743	1.144.917.958
8 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
Chi phí nhân công	357.948.078	211.094.381
Chi phí khấu hao tài sản cố định	160.151.355	217.666.535
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.028.407.919	473.921.961
Chi phí bằng tiền khác	304.848.391	242.235.081
Cộng	1.851.355.743	1.144.917.958
9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.858.311.873	752.314.373
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế		
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế		
Tổng thu nhập chịu thuế	1.858.311.873	752.314.373
Thuế suất thuế TNDN	22	22
Thuế TNDN hiện hành	408.828.612	165.509.162

31/10/2011

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
 Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

3 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

3.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra

3.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các

Ảnh hưởng của rủi ro

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo

	Số cuối quý VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	70.272.786	8.810.937
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	46.393.266.188	30.554.798.630
Phải thu khách hàng và phải thu khác		

3.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 đến 5 năm (VND)	Từ 5 năm trở lên (VND)	Cộng
Số cuối kỳ				
Các khoản vay	12.750.000.000	8.311.678.565		21.061.678.565
Phải trả người bán	29.520.819.340			29.520.819.340
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	1.970.356	-		1.970.356
Số đầu kỳ				
Các khoản vay	11.582.641.415	7.968.010.565		19.550.651.980
Phải trả người bán	12.029.999.054			12.029.999.054
Chi phí phải trả	-	-		-
Phải trả khác	-	-		-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)

4. Thông tin về các bên liên quan

a). Số dư công nợ phải thu về cho vay với các bên liên quan tại 31/03/2015:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Giá trị giao dịch	Số dư cuối quý
Công ty cổ phần Sông Hồng 12	Công ty liên kết	Trả tiền mua hàng	1.113.000.000	1.375.062.501

b) Tiền lương của Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Quý này
Lã Văn Quyến	Tổng Giám đốc	22.887.693

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Long Thành đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và báo cáo tài chính quý I năm 2015 chưa được kiểm toán.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Gấm

Phạm Thị Hồng Gấm



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)
Quý I năm 2016

4.5 Giá trị hợp lý

- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	2.943.141.641	2.943.141.641	3.522.059.353	3.522.059.353	
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	46.393.266.188	(*)	30.554.798.630	(*)	
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	(*)	-	(*)	
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:					
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	16.144.310.393	(*)	16.144.310.393	(*)	
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:					
- Vay ngắn hạn	12.750.000.000	12.750.000.000	(11.582.641.415)	(11.582.641.415)	
- Phải trả người bán và phải trả khác	(29.520.819.340)	(29.520.819.340)	(12.029.999.054)	(12.029.999.054)	
- Vay dài hạn	-	-	-	-	
	48.709.898.882	(*)	26.608.527.907	(*)	

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

1 5 9 1 3 1 3 4

ÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
 Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

ÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

Mẫu số B09a-DN

VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số cuối quý		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	12.750.000.000	12.750.000.000	9.386.000.000	10.136.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>12.750.000.000</i>	<i>12.750.000.000</i>	<i>9.386.000.000</i>	<i>10.136.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>	<i>12.000.000.000</i>
Vay Ngân hàng NN&PTNN huyện Duy Tiên (1)	10.000.000.000	10.000.000.000	8.486.000.000	8.486.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu (2)	2.750.000.000	2.750.000.000	900.000.000	1.650.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
b) Vay dài hạn	8.311.678.565	8.311.678.565	1.300.000.000	524.833.000	7.536.511.565	7.536.511.565
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>8.311.678.565</i>	<i>8.311.678.565</i>	<i>1.300.000.000</i>	<i>524.833.000</i>	<i>7.536.511.565</i>	<i>7.536.511.565</i>
Vay Ngân hàng TMCP Á Châu (3)	7.749.835.000	7.749.835.000	1.300.000.000	524.833.000	6.974.668.000	6.974.668.000
Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (4)	561.843.565	561.843.565	-	-	561.843.565	561.843.565
Cộng	21.061.678.565	21.061.678.565	10.686.000.000	10.660.833.000	19.536.511.565	19.536.511.565

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
 Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

AN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)
 Quý II năm 2016

3 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	68.000.000.000				1.574.168.072	69.574.168.072
Tăng vốn trong năm trước						-
Lãi trong năm trước					3.671.255.845	3.671.255.845
Tăng khác						-
Giảm vốn trong năm trước						-
Lỗ trong năm trước						-
Giảm khác						-
Số dư đầu năm nay	68.000.000.000				5.245.423.917	73.245.423.917
Tăng vốn trong kỳ						-
Lãi trong kỳ					1.858.311.873	1.858.311.873
Tăng khác						-
Giảm vốn trong kỳ						-
Lỗ trong kỳ						-
Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	68.000.000.000				7.103.735.790	75.103.735.790

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
 địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

ÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)
 quý II năm 2016

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Đơn vị tính: VND	
						Tổng cộng	
I. Nguyên giá							
Số dư đầu năm	350.640.908	15.176.818.182	4.240.472.726		45.000.000		19.812.931.816
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ							
- Tăng khác							
Giảm trong kỳ	-	2.785.356.041	-	-	-	-	2.785.356.041
- Chuyển sang BĐSĐT							
- Thanh lý, nhượng bán		2.785.356.041					2.785.356.041
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ	350.640.908	12.391.462.141	4.240.472.726		45.000.000		17.027.575.775
II. Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	232.282.280	2.697.142.804	1.330.777.864		19.668.774		4.279.871.722
Tăng trong kỳ	17.532.045	1.066.463.185	140.248.923		2.370.387		1.226.614.540
- Số khấu hao trong kỳ	17.532.045	1.066.463.185	140.248.923		2.370.387		1.226.614.540
- Tăng khác							
Giảm trong kỳ	-	364.584.223	-	-	-	-	364.584.223
- Thanh lý, nhượng bán		364.584.223					364.584.223
- Giảm khác							
Số dư cuối kỳ	249.814.325	3.399.021.766	1.471.026.787		22.039.161		5.141.902.039
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm	100.826.583	11.887.811.720	2.769.445.939		22.960.839		14.781.045.081
2. Tại ngày cuối kỳ	100.826.583	8.992.440.375	2.769.445.939		22.960.839		11.885.673.736

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH
 địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

ÁN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (tiếp theo)
 quý II năm 2016

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh
 b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
- Đầu tư vào Công ty con				
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	17.500.000.000	(1.355.689.607)	17.500.000.000	(1.355.689.607)
+ Công ty Cổ phần Sông Hồng 12 - tỷ lệ sở hữu 35%	17.500.000.000	(1.355.689.607)	17.500.000.000	(1.355.689.607)
Cộng	17.500.000.000	(1.355.689.607)	17.500.000.000	(1.355.689.607)

Tình hình hoạt động của công ty liên doanh liên kết

Công ty cổ phần Sông Hồng 12: là công ty được thành lập từ ngày 05 tháng 12 năm 2007, hoạt động trong lĩnh vực khai thác cát, sỏi, đất sét và sản xuất vật liệu xây dựng. Công ty đang trong giai đoạn phát triển thị trường. Công ty cổ phần XD và TM Long Thành có tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 35%

ÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mẫu số R07a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II năm 2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		35.779.276.304	16.862.116.216	52.641.392.520	19.194.895.990
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		35.779.276.304	16.862.116.216	52.641.392.520	19.194.895.990
Giá vốn hàng bán	11		30.829.281.931	13.051.347.327	43.880.629.258	16.267.113.145
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.949.994.373	3.810.768.889	8.760.763.262	2.927.782.845
Doanh thu hoạt động tài chính	21		94.975.779	94.645.283	94.645.283	94.617.050
Chi phí tài chính	22		543.314.492	481.449.636	1.024.764.128	217.908.761
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		543.314.492	481.449.636	1.024.764.128	217.908.761
Chi phí bán hàng	25		1.649.787.914	967.891.126	2.617.679.040	1.034.789.193
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		201.567.829	177.026.832	378.594.661	824.997.849
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.650.299.917	2.279.046.578	4.834.370.716	944.704.092
1. Thu nhập khác	31		1.951.818.181	-	1.951.818.181	63.636.364
2. Chi phí khác	32		2.743.806.225	133.612.899	2.877.419.124	256.026.083
3. Lợi nhuận khác	40		(791.988.044)	(133.612.899)	(925.600.943)	(192.389.719)
4. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.858.311.873	2.145.433.679	3.908.769.773	752.314.373
5. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	472.034.184	472.034.184	-
5. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.858.311.873	1.673.399.495	3.436.735.589	752.314.373
8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-	-	-
9. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-	-	-

người lập biểu

Phạm Thị Hồng Gấm

Phạm Thị Hồng Gấm

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Gấm

Phạm Thị Hồng Gấm

Hà Nam, ngày 30 tháng 06 năm 2016



ÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

a chi: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Mẫu số B03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		52.641.392.520	19.194.895.990
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(19.844.592.726)	(25.888.918.124)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(866.705.808)	(273.678.945)
Tiền lãi vay đã trả	04		(1.024.764.128)	(342.732.728)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.951.818.181	55.751.609
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.877.419.124)	(27.862.424)
ru chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		29.979.728.915	(7.282.544.622)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			50.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(17.500.000.000)	(20.585.050.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		145.283	-
ru chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.499.854.717)	(20.535.050.000)

★ DUY

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI LONG THÀNH

Địa chỉ: phố Quý Hòa, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Mẫu số B03a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Quý II năm 2016

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			39.407.050.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			872.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(9.536.732.557)	(10.931.089.090)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.536.732.557)	29.347.960.910
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		2.943.141.641	1.530.366.288
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.522.059.353	176.877.521
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	VII.34	6.465.200.994	1.707.243.809

Người lập biểu

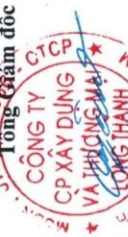
Phạm Thị Hồng Gấm

Kế toán trưởng

Phạm Thị Hồng Gấm

Hà Nam, ngày 20 tháng 06 năm 2016

Tổng Giám đốc



Lã Văn Quyền